TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 79/2020/QĐST-KDTM	*Đông Anh, ngày 11 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố T2ng dân sự;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 80/2020/TLST-KDTM ngày 15/6/2020 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2020 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ***Ngân hàng NN***; trụ sở: Số X đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông ***Tiết Văn T*** – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông ***Trịnh Xuân L*** – Phó giám đốc phụ trách điều hành Ngân hàng NN chi nhánh ĐA.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Long: Ông ***Trần Văn M*** – Phó giám đốc Ngân hàng NN chi nhánh ĐA.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố T2ng: Ông ***Lê Ngọc H*** – Trưởng phòng khách hàng hộ sản xuất và cá nhân Ngân hàng NN chi nhánh ĐA.

- *Bị đơn:* Ông ***Nguyễn Văn N***, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn VĐ, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị ***Dương Thị Thu H1***, sinh năm 1984

2. Anh ***Hoàng Văn H2***, sinh năm 1980; cùng nơi cư trú: Thôn Thượng, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của anh H2: Chị Dương Thị Thu H1 (Văn bản ủy quyền ngày 01/7/2020).

3. Ông ***Nguyễn Văn T1***, sinh năm 1959.

4. Bà ***Nguyễn Thị H3***, sinh năm 1961.

5. Chị ***Nguyễn Thị H4***, sinh năm 1985.

6. Chị ***Nguyễn Thị H5***, sinh năm 1989.

Cùng nơi cư trú: Thôn VĐ, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

7. Chị ***Nguyễn Thị H6***, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn NL, xã P, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H3, chị H4, chị H5, chị H6: Ông Nguyễn Văn T1 (Văn bản ủy quyền ngày 01/7/2020 và 16/7/2020).

8. Ông ***Nguyễn Văn T2***, sinh năm 1976.

9. Bà ***Nguyễn Thị T4***, sinh năm 1980 (vợ ông T2).

10. Chị ***Nguyễn Thị Hồng V***, sinh năm 2001 (con ông T2 - bà V).

11. Cháu ***Nguyễn Văn M1***, sinh năm 2003 (con ông T2 - bà V).

12. Cháu ***Nguyễn Văn T3***, sinh năm 2009 (con ông T2 - bà V).

Cùng nơi cư trú: Thôn VĐ, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của cháu M1, cháu T3: Ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị T4.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T4, chị V: Ông Nguyễn Văn T2 (Văn bản ủy quyền ngày 01/7/2020).

2/ Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-201507569; các giấy nhận nợ: Giấy nhận nợ số 3140LD S201516105 ngày 31/12/2015; giấy nhận nợ số 3140LD S201600650 ngày 15/01/2016; giấy nhận nợ số 3140LD S201601007 ngày 22/01/2016; giấy nhận nợ số 3140LD S201601093 ngày 25/01/2016; giấy nhận nợ số 3140LD S201605281 ngày 05/5/2016; giấy nhận nợ số 3140LD S201605309 ngày 06/5/2016. Tính đến ngày 03/8/2020, ông Nguyễn Văn N còn nợ Ngân hàng NN số tiền như sau:

Tổng dư nợ gốc: 2.901.100.000 (Hai tỷ, chín trăm linh một triệu, một trăm nghìn) đồng.

Tổng dư nợ lãi trong hạn: 1.351.820.290 (Một tỷ, ba trăm năm mươi mốt triệu, tám trăm hai mươi nghìn, hai trăm chín mươi) đồng.

Tổng dư nợ lãi quá hạn: 43.783.213 (Bốn mươi ba triệu, bảy trăm tám mươi ba nghìn, hai trăm mười ba) đồng.

Tổng dư nợ gốc và lãi: 4.296.703.503 (Bốn tỷ, hai trăm chín mươi sáu triệu, bảy trăm linh ba nghìn, năm trăm linh ba) đồng.

2.2 Về phương thức trả nợ: Hạn cuối là 31/12/2021, ông Nguyễn Văn N phải trả cho Ngân hàng NN số tiền 4.296.703.503 (Bốn tỷ, hai trăm chín mươi sáu triệu, bảy trăm linh ba nghìn, năm trăm linh ba) đồng và tiền lãi phát sinh trên nợ gốc 2.901.100.000 (Hai tỷ, chín trăm linh một triệu, một trăm nghìn) đồng theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, các giấy nhận nợ tính từ ngày 04/8/2020 đến thời điểm trả hết nợ theo lộ trình như sau:

- Từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2020, mỗi tháng ông N phải trả Ngân hàng NN số tiền 240.000.000 (Hai trăm bốn mươi triệu) đồng vào ngày 28 hàng tháng.

- Từ tháng 01 đến hết tháng 11 năm 2021, mỗi tháng ông N phải trả Ngân hàng NN 140.000.000 (Một trăm bốn mươi triệu) đồng vào ngày 28 hàng tháng.

- Ngày 31/12/2021, ông N phải tất toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng NN.

Toàn bộ tiền ông N hoặc các chủ tài sản gồm (gia đình ông T1, gia đình ông T2, gia đình bà H1) trả Ngân hàng NN sẽ thu vào tiền gốc. Sau khi thu hết tiền gốc mới được thu vào tiền lãi.

2.3. Trường hợp ông N vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào theo thỏa thuận trên thì Ngân hàng NN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 36, số tờ bản đồ lô B tại địa chỉ thôn HH, xã LH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BO 442595, số vào sổ cấp GCN 2332.QĐUBND.2013CH00092.2013 do UBND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cấp ngày 24/07/2013 mang tên Dương Thị Thu H1.

Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 21, tờ bản đồ số 3 tại địa chỉ thôn VĐ, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 503867, số vào sổ cấp GCNQSD đất 0840 QSDĐ/VĐ-VH do UBND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cấp ngày 25/08/2003 mang tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn T1.

Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 23(1), tờ bản đồ số 03 tại địa chỉ thôn VĐ, xã VH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đấtsố BO 388886, số vào sổ cấp GCN 325.QĐ-UBND.2014CH.2014 do UBND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cấp ngày 18/11/2014 mang tên ông Nguyễn Văn T2.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Nam tiếp tục phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng NN.

2.4 Tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 112.296.000 (Một trăm mười hai triệu, hai trăm chín mươi sáu nghìn) đồng. Do các đương sự thỏa

thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên được giảm 50%; số tiền án phí còn: 56.148.000 (Năm mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn) đồng. Ông Nguyễn Văn N phải nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 56.148.000 (Năm mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại Ngân hàng NN số tiền 56.111.000 (Năm mươi sáu triệu, một trăm mười một nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0016318 ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Toà án Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Quang Tuyến